

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2022

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 ngày 24/11/2014.

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách; tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1826/QĐ-VKSNA ngày 14/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán trưởng, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Nhu điều 3;
- Lưu VThư; Kế toán

VIỆN TRƯỞNG



Tôn Thiện Phương



ĐỢI TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 1826/QĐ-VKSNA ngày 14/9/2022 của Viện KSND tỉnh Nghệ An)
(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/ đơn vị dự toán cấp trên)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	VP VKSND tỉnh	VKSND TP VINH	VKDND huyện Hưng Nguyên	VKDND huyện Nghi Lộc	VKSND Thị xã Cửa Lò	VKDND huyện Nam Đàn	VKDND huyện Thanh Chương	VKDND huyện Đô Lương	VKDND huyện Diễn Châu	VKDND huyện Quỳnh Lưu	VKSND Thị xã Hoàng Mai	VKDND huyện Yên Thành	VKDND huyện Anh Sơn	VKDND huyện Tân Kỳ	VKDND huyện Nghĩa Đàn	VKSND Thị xã Thái Hòa	VKDND huyện Quỳnh Hợp	VKDND huyện Quỳnh Châu	VKDND huyện Quế Phong	VKDND huyện Kỳ Sơn	VKDND huyện Tương Dương	VKDND huyện Con Cuông
1	2	3	4=5+6+...	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí																								
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước																								
1	Nguồn ngân sách trong nước	-	-	(869,700)	146,500	(24,400)	81,500	12,500	(15,800)	(55,700)	98,700	41,100	32,400	63,900	24,400	169,700	55,000	(22,500)	-	(36,700)	33,700	46,600	170,800	(24,200)	72,200
1	Chi quản lý hành chính	-	-	(869,700)	146,500	(24,400)	81,500	12,500	(15,800)	(55,700)	98,700	41,100	32,400	63,900	24,400	169,700	55,000	(22,500)	-	(36,700)	33,700	46,600	170,800	(24,200)	72,200
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	(869,700)	146,500	(24,400)	81,500	12,500	(15,800)	(55,700)	98,700	41,100	32,400	63,900	24,400	169,700	55,000	(22,500)		(36,700)	33,700	46,600	170,800	(24,200)	72,200
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-																						
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-	-																						
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-																						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên																								

nhao